

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần : **TIẾNG TRUNG QUỐC 3 (Chinese 3)**
- Mã số học phần : **1117032**
- Số tín chỉ học phần : **2** tín chỉ
 - Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Cao đẳng và Đại học
- Số tiết học phần :
 - Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
 - Thực hành tại trên lớp : 15 tiết
 - Tự học : 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: **Bộ môn tiếng Trung Khoa Ngoại ngữ**

2. Học phần trước: Tiếng Trung Quốc 1 &2**3. Mục tiêu của học phần:**

Cung cấp khoảng gần 200 từ vựng, hơn 40 mẫu câu và 1 số điểm ngữ pháp cấp độ HSK cấp 2, các kiến thức ngôn ngữ cơ bản và văn hoá Trung Hoa hay nghi thức xã giao có liên quan.

Người học có thể vận dụng các từ ngữ, mẫu câu và kiến thức văn hoá đã học thực hiện một tình huống giao tiếp xã giao ngắn được biết trước như: mua vé, mua sắm, nói về phương hướng và vị trí, hỏi đường, bàn về sở thích...

4. Chuẩn đầu ra:

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	4.1.1. Nhận biết phiên âm tiếng Trung Quốc; quy tắc bút thuận, ghi lại được những chữ Hán cơ bản liên quan đến nội dung giao tiếp.	PLO-8
	4.1.2 Áp dụng kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán phổ biến Trung Quốc để thực hiện giao tiếp ngắn, chủ đề biết trước.	
Kỹ năng	4.2.1. Có thể tham gia vào cuộc trao đổi ngắn về các chủ đề biết trước.	PLO-S2
	4.2.2 Có thể ghi lại các thông tin đơn giản, ngắn về chủ đề quen thuộc như: mua vé, mua sắm, nói về phương hướng và vị trí, hỏi đường, bàn về sở thích...	
Thái độ	4.3.1. Thể hiện ý thức tổ chức, kỷ luật trường học, qui định của giảng viên	PLO-A3

	4.3.2 Linh hoạt, tích cực làm việc, học tập trong mọi điều kiện.	PLO-A4
	4.3.3. Thể hiện bản lĩnh tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm.	PLO-A5

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giới thiệu về 5 chủ điểm giao tiếp cơ bản như về mua vé, mua sắm, nói về phương hướng và vị trí, hỏi đường, bàn về sở thích... Gồm các phần: từ vựng, mẫu câu điển hình, bài khoá, điểm ngữ pháp, bài tập, từ ngữ bổ sung, các kiến thức văn hoá liên quan đến chủ điểm giao tiếp. Học phần tập trung rèn luyện sinh viên phiên âm, phát âm, nhận diện cấu trúc chữ Hán liên quan đến chủ đề.

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy: (Gồm lý thuyết và thực hành)

Buổi/Tiết	Nội dung	Ghi chú
1/2 tiết	Bài 11: 购票 买两张票 Từ mới: 26 từ + 5 mẫu câu điển hình Điểm ngữ pháp chính: 1. 数量结构	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
2/2 tiết	Bài 11: 购票 Điểm ngữ pháp chính: 2. “是……的”结构 Bài tập Bài khoá đoạn 1,2,3	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
3/2 tiết	Bài 11: 购票 Bài khoá đoạn 4,5 Chủ đề nói: 一次购物	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
4/2 tiết	Bài 12: 购物 苹果多少钱一斤? Từ mới: 26 từ +5 mẫu câu điển hình Điểm ngữ pháp chính: 1. “有点儿”和“一点儿” Bài tập	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
5/2 tiết	Bài 12: 购物	Giải quyết mục tiêu 4.1.1

	Điểm ngữ pháp chính: 2. “钱” 的表达 Bài tập Bài khoá đoạn 1,2	4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
6/2 tiết	Bài 12: 购物 Bài khoá đoạn 3,4 Chủ đề nói : 一次购物	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
7/2 tiết	Bài 13: 谈方位 14 楼在留学生宿舍 Từ mới: 29 từ + 3 mẫu câu điển hình Điểm ngữ pháp chính: 用“有”“在”“是” Bài khoá + Bài tập	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
8/2 tiết	Bài 13: 谈方位 Bài tập Bài khoá đoạn 1,2	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
9/2 tiết	Bài 13: 谈方位 Bài khoá đoạn 3,4 Chủ đề nói : Giới thiệu chỗ ở của 1 người nào đó	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
10/2 tiết	Bài 14: 问路 去邮局怎么走 Từ mới: 27 từ + 7 mẫu câu điển hình	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
11/2 tiết	Bài 14: 问路 Điểm ngữ pháp chính:	Giải quyết mục tiêu 4.1.1

	用“多”提起问题 Bài khoá đoạn 1,2 Bài tập 1,2	4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
12/2 tiết	Bài 14 : 问路 Bài khoá đoạn 3,4 Bài tập tổng hợp Chủ đề nói: Giới thiệu về môi trường xung quanh nhà (trường...) của bạn.	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
13/2 tiết	Bài 15 : Nói về sở thích Từ mới: 27 từ + 7 mẫu câu điển hình Điểm ngữ pháp chính: 1. 程度补语	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
14/2 tiết	Bài 15 : Nói về sở thích Điểm ngữ pháp: 1. 程度补语(tt) 2. 周遍性主语句 Bài tập	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
15/2 tiết	Bài 15 : Nói về sở thích Bài tập (tt) Giải đáp thắc mắc.	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Yêu cầu đối với sinh viên	Phải thực hiện theo đúng quy định của trường.
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có đám cưới, đám tang hoặc nằm viện có giấy ra viện. - Trong 15 buổi học, sinh viên chỉ được vắng 1 buổi, nếu vắng buổi thứ 2 sẽ bị trừ 50% điểm chuyên cần; vắng buổi thứ 3 trừ 100% điểm chuyên cần. Và vắng buổi thứ 4 thì bị hủy toàn bộ điểm quá trình .

	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện. - Tham dự kiểm tra giữa học kỳ. - Tham dự thi kết thúc học phần. - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. - Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM.

8.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự đầy đủ/vắng 1 buổi	10%	4.3.1
2	Điểm bài tập	Các bài tập được giao	15%	4.1.1, 4.1.2 4.2.1; 4.2.2
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Kiểm tra viết	25%	4.1.1; 4.1.2 4.2.1; 4.2.2 4.3.1; 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Tự luận - Bắt buộc dự thi	50%	4.3.3

8.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính:

[1] Tài liệu bắt buộc: 《路》（短期速成外国语汉语会话课本（Đàm thoại tiếng Trung Quốc cấp tốc）, chủ biên Triệu Kim Minh, bản dịch tiếng Việt của TS Nguyễn Thị Minh

Hồng, bản in năm 2010, được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng giữa NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Trung Quốc và công ty TNHH Nhân Trí Việt.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Giáo trình 《汉语教程》 (bản mới, quyển 1 thượng) , chủ biên Dương Ký Châu, NXB Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc kinh, 2006.

[3] 《汉语会话 301 句》 (301 câu đàm thoại tiếng Hoa Tập 1) chủ biên Khang Ngọc Hoa và Lai Tư Bình, bản dịch tiếng Việt của TS Nguyễn Thị Minh Hồng, bản in năm 2011 , được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng giữa NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Trung Quốc và công ty TNHH Nhân Trí Việt.

10. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần/ Buổi	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Bài 11	3	0	-Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Ôn lại bài 5- 10 Tài liệu [1] + Tra cứu nội dung về mua vé
2	Bài 11	1	3	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: Tìm hiểu về cách hỏi để mua các loại vé + Ôn lại nội dung về cách mua vé
3	Bài 11	1	3	- Tài liệu [1]: Mua vé - Tài liệu [2]: mua đồ - Làm bài tập tài liệu [1]
4	Bài 12	1	3	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: mua đồ, hàng hóa
5	Bài 12	1	3	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: mua đồ, hàng hóa + Làm bài tập tài liệu [1]
6	Bài 12	1	3	-Tra cứu nội dung về cách diễn đạt phương hướng và vị trí -Tài liệu [2]: tìm hiểu cách diễn đạt phương hướng, vị trí - Làm bài tập tài liệu [2]
7	Bài 13	1	3	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: tìm hiểu Câu tồn hiện + Ôn lại nội dung về vị trí, phương hướng
8	Bài 13	1	3	- Ôn lại nội dung về câu tồn hiện - Tìm hiểu cách giới thiệu môi trường xung quanh nhà , trường... - Làm bài tập tài liệu [1]
9	Bài 13	1	3	- Tài liệu [1]: + Ôn lại nội dung về câu tồn hiện - Tài liệu [2]: tìm hiểu cách chỉ đường,cách hỏi đường - Làm bài tập tài liệu [2] -Làm bài tập tài liệu [1]
10	Bài 14	1	3	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung về , cách chỉ đường,cách

				hỏi đường + Ôn lại nội dung về cách dùng từ chỉ phương hướng
11	Bài 14	1	3	- Ôn lại nội dung về cách hỏi đường, cách chỉ đường - Tài liệu [1]: Tra cứu nội dung về cách đặt câu hỏi dùng “多” - Làm bài tập tài liệu [1]
12	Bài 14			- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: • Ôn lại cách dùng câu hỏi có chữ “多” • Chuẩn bị trước tài liệu [2],[3] nói về sở thích - Làm bài tập tài liệu [1]
13	Bài 15	1	3	- Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1]: • Nội dung về sở thích • Tên gọi một vài sở thích thường gặp
14	Bài 15	1	3	- Tài liệu [1]: Tra cứu nội dung về cách dùng Bồ ngữ trình độ - Làm bài tập tài liệu [2]
15	Bài 15	1	3	+ Tài liệu [1]: Ôn lại bồ ngữ trình độ + Làm bài tập tài liệu [1] + Làm bài tập tài liệu [2] + Ôn tập

Ngày.....tháng.....năm
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm
Tổ trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm
Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm
Ban giám hiệu